TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày: 06/01/2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lê Văn Kiệt**

- Ông **Nguyễn Tất Ái**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Ngọc Yến Oanh**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp: không tham gia phiên tòa.

Vào ngày 05 tháng 01 và ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 375/2025/TLST-DS ngày 20/10/2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 530/2025/QĐXXST-DS ngày 26/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Đỗ Văn P,** sinh năm 1966 (có mặt)

Căn cước công dân: 082066029956 cấp ngày 29/12/2022. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2.

Địa chỉ: A ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà **Lê Thị Kim C** sinh năm 1966 (có mặt)

Căn cước công dân: 082166012935 cấp ngày 20/8/2021. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2.

Địa chỉ: A P, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

Anh **Nguyễn Thành K,** sinh năm 1989 (có mặt)

Căn cước công dân: 082089020308 cấp ngày 16/10/2022. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2.

Địa chỉ: 2 ấp M, phường M, tỉnh Đồng Tháp

Chị **Trần Phương T,** sinh năm 1994 (có mặt)

Căn cước công dân: 082194009658 cấp ngày 01/11/2022. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2.

Địa chỉ: B L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng: Chị Hà Cẩm T1 sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: B P, phường M, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Đỗ Văn P, Lê Thị Kim C trình bày:

Nguyên đơn ông P, bà C có cho bị đơn anh K, chị T mượn số tiền 485.320.000 đồng, không có tính lãi, thời hạn trả 24/7/2025 nhưng đến hạn bị đơn không thực hiện trả nợ, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thành K và Trần Phương T trả 485.320.000 đồng, thực hiện trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thành K và Trần Phương T trình bày:

Bị đơn Nguyễn Thành K trình bày anh đồng ý trả số nợ 485.320.000 đồng, một mình anh sẽ trả nợ do khi vay nợ thì chị Trần Phương T vợ anh không biết mà do anh trực tiếp vay từ chị T1 con dâu nguyên đơn và trả 218.000.000 đồng gồm 104.000.000 đồng lãi và 114.000.000 đồng gốc, anh xin trả hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn. Chị Trần Phương T không đồng ý cùng anh K trả nợ do khi vay mượn thì do anh K vay của chị T1 con dâu nguyên đơn, nhưng chị có ký vào giấy vay tiền theo yêu cầu của chị T1 và chị T có phụ trả nợ trong số tiền 218.000.000 đồng anh K trình bày.

* Tại phiên tòa người làm chứng Hà Cẩm T1 trình bày:

Chị T1 là con ruột của ông P, bà C, việc cha mẹ chị cho anh K, chị T mượn tiền số tiền 485.320.000 đồng là việc giao dịch riêng giữa cha mẹ chị và vợ chồng anh K, chị T, do đó chị không có liên quan đến việc mượn tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn cư trú tại phường M và phường Đ, tỉnh Đồng Tháp, do đó căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mượn 485.320.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung yêu cầu:

Căn cứ vào "Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ngày 17/07/2025, thừa nhận của các đương sự, bản tự khai cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định:

Vào ngày 17/7/2025, nguyên đơn cho bị đơn mượn 485.320.000 đồng, thời gian trả 24/7/2025 đến hạn thanh toán nguyên đơn yêu cầu trả nhưng bị đơn không thực hiện, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 485.320.000 đồng yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thành K trình bày anh đồng ý trả số nợ 485.320.000 đồng, một mình anh sẽ trả nợ do khi vay nợ thì chị Trần Phương T vợ anh không biết mà do anh trực tiếp vay từ chị T1 con dâu nguyên đơn 700.000.000 đồng và trả 218.000.000 đồng gồm 104.000.000 đồng lãi và 114.000.000 đồng gốc, anh xin trả hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn. Chị Trần Phương T không đồng ý cùng anh K trả nợ do khi vay mượn thì do anh K vay của chị T1 con dâu nguyên đơn, nhưng chị T có ký vào giấy vay tiền theo yêu cầu của chị T1 và chị T có phụ trả nợ trong số tiền 218.000.000 đồng anh K trình bày. Tuy nhiên, trình bày của bị đơn là không có chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn cũng trình bày bị đơn từ khi mượn đến nay chưa trả tiền cho nguyên đơn và không đồng ý cho bị đơn trả dần số nợ. Người làm chứng chị Hà Cẩm T1 trình bày việc mượn tiền giữa vợ chồng anh K, chị T và cha mẹ chị là ông P và bà C là giao dịch riêng không liên quan tới chị, không phải vay mượn của chị như vợ chồng anh K, chị T trình bày, nên trình bày của bị đơn là chưa có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 485.320.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ đúng quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, do đó HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn được HĐXX chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Xử:

1/*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*

Buộc bị đơn anh Nguyễn Thành K, chị Trần Phương T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Đỗ Văn P, Lê Thị Kim C số tiền 485.320.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí

H lại nguyên đơn số tiền 11.706.400 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0005534 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bị đơn phải chịu 23.412.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1-Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.